

BB		
分區	代號	人數
大埔	TP	8
屯門	TM	8
何文田	HMT	6
沙田	ST	8
柴灣	CW	8
荃灣	TW	10
灣仔	WC	7
觀塘	KT	7
總數		62

男B賽事：2016.12.10(六)A-F小組賽
至決出8強。2016.12.11(日)G-R小組賽
至決出8強，及A-R小組8強名次賽。

每小組首名出線

男B-A組	
1	張瑞謙 CW
2	劉泓志 TM
3	朱倬賢 TW
4	BYE
5	BYE

配對	場次	日期	時間	對賽		
2-3	BB-A1	10-Dec	14:40	劉泓志 TM	vs	朱倬賢 TW
1-3	BB-A2	10-Dec	16:20	張瑞謙 CW	vs	朱倬賢 TW
1-2	BB-A3	10-Dec	17:10	張瑞謙 CW	vs	劉泓志 TM
				BYE	vs	BYE
				BYE	vs	BYE
				BYE	vs	BYE

男B-B組	
1	任樂謙 ST
2	秦凱曦 KT
3	莫文智 TP
4	史天朗 WC
5	BYE

配對	場次	日期	時間	對賽		
1-4	BB-B1	10-Dec	14:40	任樂謙 ST	vs	史天朗 WC
2-3	BB-B2	10-Dec	14:40	秦凱曦 KT	vs	莫文智 TP
1-3	BB-B3	10-Dec	16:20	任樂謙 ST	vs	莫文智 TP
2-4	BB-B4	10-Dec	16:20	秦凱曦 KT	vs	史天朗 WC
1-2	BB-B5	10-Dec	17:10	任樂謙 ST	vs	秦凱曦 KT
3-4	BB-B6	10-Dec	17:10	莫文智 TP	vs	史天朗 WC

男B-C組	
1	鍾曉峯 KT
2	周厚奎 TW
3	鍾諾琛 TM
4	史澤佳 CW
5	BYE

配對	場次	日期	時間	對賽		
1-4	BB-C1	10-Dec	14:40	鍾曉峯 KT	vs	史澤佳 CW
2-3	BB-C2	10-Dec	14:40	周厚奎 TW	vs	鍾諾琛 TM
1-3	BB-C3	10-Dec	16:20	鍾曉峯 KT	vs	鍾諾琛 TM
2-4	BB-C4	10-Dec	16:20	周厚奎 TW	vs	史澤佳 CW
1-2	BB-C5	10-Dec	17:10	鍾曉峯 KT	vs	周厚奎 TW
3-4	BB-C6	10-Dec	17:10	鍾諾琛 TM	vs	史澤佳 CW

男B-D組	
1	何胤廷 HMT
2	容志恆 ST
3	周厚陽 TW
4	陳梓皓 TP
5	BYE

配對	場次	日期	時間	對賽		
1-4	BB-D1	10-Dec	15:30	何胤廷 HMT	vs	陳梓皓 TP
2-3	BB-D2	10-Dec	15:30	容志恆 ST	vs	周厚陽 TW
1-3	BB-D3	10-Dec	16:45	何胤廷 HMT	vs	周厚陽 TW
2-4	BB-D4	10-Dec	16:45	容志恆 ST	vs	陳梓皓 TP
1-2	BB-D5	10-Dec	17:35	何胤廷 HMT	vs	容志恆 ST
3-4	BB-D6	10-Dec	17:35	周厚陽 TW	vs	陳梓皓 TP

男B-E組	
1	李皓賢 ST
2	安嘉淦 WC
3	何俊濤 TW
4	王凱祺 CW
5	BYE

配對	場次	日期	時間	對賽		
1-4	BB-E1	10-Dec	15:30	李皓賢 ST	vs	王凱祺 CW
2-3	BB-E2	10-Dec	15:30	安嘉淦 WC	vs	何俊濤 TW
1-3	BB-E3	10-Dec	16:45	李皓賢 ST	vs	何俊濤 TW
2-4	BB-E4	10-Dec	16:45	安嘉淦 WC	vs	王凱祺 CW
1-2	BB-E5	10-Dec	17:35	李皓賢 ST	vs	安嘉淦 WC
3-4	BB-E6	10-Dec	17:35	何俊濤 TW	vs	王凱祺 CW

男B-F組	
1	李博華 TM
2	麥子浩 KT
3	黃焯珩 HMT
4	羅皓希 TP
5	BYE

配對	場次	日期	時間	對賽		
1-4	BB-F1	10-Dec	15:30	李博華 TM	vs	羅皓希 TP
2-3	BB-F2	10-Dec	15:30	麥子浩 KT	vs	黃焯珩 HMT
1-3	BB-F3	10-Dec	16:45	李博華 TM	vs	黃焯珩 HMT
2-4	BB-F4	10-Dec	16:45	麥子浩 KT	vs	羅皓希 TP
1-2	BB-F5	10-Dec	17:35	李博華 TM	vs	麥子浩 KT
3-4	BB-F6	10-Dec	17:35	黃焯珩 HMT	vs	羅皓希 TP

男B-G組	
1	王宏偉 WC
2	陳顥元 HMT
3	廖詠智 ST
4	林卓言 TP
5	BYE

配對	場次	日期	時間	對賽		
1-4	BB-G1	11-Dec	09:15	王宏偉 WC	vs	林卓言 TP
2-3	BB-G2	11-Dec	09:15	陳顥元 HMT	vs	廖詠智 ST
1-3	BB-G3	11-Dec	10:30	王宏偉 WC	vs	廖詠智 ST
2-4	BB-G4	11-Dec	10:30	陳顥元 HMT	vs	林卓言 TP
1-2	BB-G5	11-Dec	11:45	王宏偉 WC	vs	陳顥元 HMT
3-4	BB-G6	11-Dec	11:45	廖詠智 ST	vs	林卓言 TP

男B-H組	
1	鄧晉銘 TW
2	陸健莉 KT
3	何茗琛 TM
4	藍昊熙 CW
5	BYE

配對	場次	日期	時間	對賽		
1-4	BB-H1	11-Dec	09:15	鄧晉銘 TW	vs	藍昊熙 CW
2-3	BB-H2	11-Dec	09:15	陸健莉 KT	vs	何茗琛 TM
1-3	BB-H3	11-Dec	10:30	鄧晉銘 TW	vs	何茗琛 TM
2-4	BB-H4	11-Dec	10:30	陸健莉 KT	vs	藍昊熙 CW
1-2	BB-H5	11-Dec	11:45	鄧晉銘 TW	vs	陸健莉 KT
3-4	BB-H6	11-Dec	11:45	何茗琛 TM	vs	藍昊熙 CW

男B-J組	
1	梁樂軒 CW
2	莫浩雲 TP
3	謝子朗 TW
4	余綽彥 KT
5	BYE

配對	場次	日期	時間	對賽		
1-4	BB-J1	11-Dec	09:15	梁樂軒 CW	vs	余綽彥 KT
2-3	BB-J2	11-Dec	09:15	莫浩雲 TP	vs	謝子朗 TW
1-3	BB-J3	11-Dec	10:30	梁樂軒 CW	vs	謝子朗 TW
2-4	BB-J4	11-Dec	10:30	莫浩雲 TP	vs	余綽彥 KT
1-2	BB-J5	11-Dec	11:45	梁樂軒 CW	vs	莫浩雲 TP
3-4	BB-J6	11-Dec	11:45	謝子朗 TW	vs	余綽彥 KT

男B-K組	
1	李頌 WC
2	姜栢桑 ST
3	林梓羲 HMT
4	黃學錦 TM
5	BYE

配對	場次	日期	時間	對賽		
1-4	BB-K1	11-Dec	09:15	李頌 WC	vs	黃學錦 TM
2-3	BB-K2	11-Dec	09:15	姜栢桑 ST	vs	林梓羲 HMT
1-3	BB-K3	11-Dec	10:30	李頌 WC	vs	林梓羲 HMT
2-4	BB-K4	11-Dec	10:30	姜栢桑 ST	vs	黃學錦 TM
1-2	BB-K5	11-Dec	11:45	李頌 WC	vs	姜栢桑 ST
3-4	BB-K6	11-Dec	11:45	林梓羲 HMT	vs	黃學錦 TM

男B-L組	
1	李嘉謙 HMT
2	梁正言 TM
3	劉樂軒 TW
4	蔡穎朗 WC
5	BYE

配對	場次	日期	時間	對賽		
1-4	BB-L1	11-Dec	09:15	李嘉謙 HMT	vs	蔡穎朗 WC
2-3	BB-L2	11-Dec	09:15	梁正言 TM	vs	劉樂軒 TW
1-3	BB-L3	11-Dec	10:30	李嘉謙 HMT	vs	劉樂軒 TW
2-4	BB-L4	11-Dec	10:30	梁正言 TM	vs	蔡穎朗 WC
1-2	BB-L5	11-Dec	11:45	李嘉謙 HMT	vs	梁正言 TM
3-4	BB-L6	11-Dec	11:45	劉樂軒 TW	vs	蔡穎朗 WC

男B-M組	
1	姚日謙 ST
2	吳子烙 TP
3	陳俊熹 CW
4	劉晉揚 TW
5	BYE

配對	場次	日期	時間	對賽		
1-4	BB-M1	11-Dec	09:15	姚日謙 ST	vs	劉晉揚 TW
2-3	BB-M2	11-Dec	09:40	吳子烙 TP	vs	陳俊熹 CW
1-3	BB-M3	11-Dec	10:30	姚日謙 ST	vs	陳俊熹 CW
2-4	BB-M4	11-Dec	10:55	吳子烙 TP	vs	劉晉揚 TW
1-2	BB-M5	11-Dec	11:45	姚日謙 ST	vs	吳子烙 TP
3-4	BB-M6	11-Dec	12:10	陳俊熹 CW	vs	劉晉揚 TW

男B-N組	
1	陳浚瑄 CW
2	蓋琦嘉 ST
3	陳俊熹 WC
4	郭智豪 TP
5	BYE

配對	場次	日期	時間	對賽		
1-4	BB-N1	11-Dec	13:25	陳浚瑄 CW	vs	郭智豪 TP
2-3	BB-N2	11-Dec	13:25	蓋琦嘉 ST	vs	陳俊熹 WC
1-3	BB-N3	11-Dec	14:15	陳浚瑄 CW	vs	陳俊熹 WC
2-4	BB-N4	11-Dec	14:15	蓋琦嘉 ST	vs	郭智豪 TP
1-2	BB-N5	11-Dec	15:05	陳浚瑄 CW	vs	蓋琦嘉 ST
3-4	BB-N6	11-Dec	15:05	陳俊熹 WC	vs	郭智豪 TP

男B-P組	
1	尤頌蘊 KT
2	梁與行 HMT
3	方柏生 TM
4	李雋彥 TW
5	BYE

配對	場次	日期	時間	對賽		
1-4	BB-P1	11-Dec	13:25	尤頌蘊 KT	vs	李雋彥 TW
2-3	BB-P2	11-Dec	13:25	梁與行 HMT	vs	方柏生 TM
1-3	BB-P3	11-Dec	14:15	尤頌蘊 KT	vs	方柏生 TM
2-4	BB-P4	11-Dec	14:15	梁與行 HMT	vs	李雋彥 TW
1-2	BB-P5	11-Dec	15:05	尤頌蘊 KT	vs	梁與行 HMT
3-4	BB-P6	11-Dec	15:05	方柏生 TM	vs	李雋彥 TW

男B-Q組	
1	楊永勤 TW
2	袁俊華 ST
3	李柏謙 TM
4	黃嘉傑 CW
5	BYE

配對	場次	日期	時間	對賽		
1-4	BB-Q1	11-Dec	13:25	楊永勤 TW	vs	黃嘉傑 CW
2-3	BB-Q2	11-Dec	13:25	袁俊華 ST	vs	李柏謙 TM
1-3	BB-Q3	11-Dec	14:15	楊永勤 TW	vs	李柏謙 TM
2-4	BB-Q4	11-Dec	14:15	袁俊華 ST	vs	黃嘉傑 CW
1-2	BB-Q5	11-Dec	15:05	楊永勤 TW	vs	袁俊華 ST
3-4	BB-Q6	11-Dec	15:05	李柏謙 TM	vs	黃嘉傑 CW

男B-R組	
1	歐諾庭 WC
2	鄧皓暉 KT
3	莫明栩 TP
4	BYE
5	BYE

配對	場次	日期	時間	對賽		
2-3	BB-R1	11-Dec	13:25	鄧皓暉 KT	vs	莫明栩 TP
1-3	BB-R2	11-Dec	14:15	歐諾庭 WC	vs	莫明栩 TP
1-2	BB-R3	11-Dec	15:05	歐諾庭 WC	vs	鄧皓暉 KT
				BYE	vs	BYE
				BYE	vs	BYE
				BYE	vs	BYE